TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B ĐẠI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113 /2023/ DS –ST
Ngày : 29/9/2023
Về việc: "*Đòi lại tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN HUYỆN B ĐẠI - TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Minh Quang.

Bà Đào Thị Tuyết Mai.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Võ Thành Trung - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đại tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B Đại tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm đã thụ lý số: 275/2022/TLST – DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc "*Đòi lại tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2023/QĐST – DS ngày 12/9/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà X, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Trú tại: K 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:*

1. Ông H, sinh năm 1963. (Vắng mặt).

Trú tại: Ấp 3, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Ông B, sinh năm 1972. (Vắng mặt).

Trú tại: Ấp 2, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2022, đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện ngày 07/3/2023, biên bản láy lời khai ngày 07/3/2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà X trình bày như sau:*

Bà là chủ tàu cá hiệu Tấn Vinh mang biển số kiểm soát BT – 94095TS và BT – 99938TS. Vào ngày 29/8/2022, giữa bà và ông H, ông B thỏa thuận vào ngày 29/8/2022,

giữa bà và ông H, ông B thỏa thuận ông B sẽ làm lái phụ cho ghe càu của bà là tàu cá BT – 99938TS còn ông H là người giới thiệu và chịu trách nhiệm về việc ông B là người biết lái tàu phụ và thực hiện theo yêu cầu của chủ tàu và thuyền trưởng tàu cá BT – 94095TS. Sau khi thỏa thuận xong, ngày 29/8/2022 bà đưa cho ông B số tiền 10.000.000 đồng để đảm bảo cho ông B hoạt động lái phụ trên tàu cá của bà và ngày 30/8/2022 hai tàu cá của bà ra khơi.

Ngày 31/8/2022, bà chuyển cho ông H số tiền 44.000.000 đồng, tổng cộng bà đưa cho ông H và ông B số tiền 54.000.000 đồng, đây là khoản tiền đảm bảo ông B phải hoạt động lái phụ trên tàu cá của bà và làm theo hướng dẫn của thuyền trưởng.

Đến ngày ông B lên tàu của bà để hoạt động nH không làm theo sự hướng dẫn của thuyền trưởng và cố tình làm thiệt hại tài sản của bà là tàu cá BT – 99938TS, thuyền trưởng có báo với bà là ông B không nghe theo chỉ huy của thuyền trưởng và đã tự ý dang ghe Ngọc Thảo vào bờ ngày 13/9/2022. Đến 6 giờ sáng, ông H và ông B có đến gặp bà để bàn về việc số tiền mà ông B đã nhận của bà thì ông H và ông B nói sẽ không trả số tiền 54.000.000 đồng cho bà.

Do số tiền 10.000.000 đồng bà đưa trực tiếp cho ông B nên không có giấy tờ chứng minh, còn số tiền 44.000.000 đồng bà chuyển trực tiếp qua tài khoản của ông H nên bà chỉ yêu cầu ông H phải trả cho bà số tiền 44.000.000 (Bốn mươi bốn triệu) đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn H và B đã được Tòa án tống đạt các Văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nH ông H và ông B không có ý kiến phản đối hay có yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án không thu thập được lời khai của ông H và ông B.*

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đại tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- *Về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng thời hạn. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Các bên đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông H phải có nghãi vụ trả cho bà X số tiền 44.000.000 (Bốn mươi bốn triệu) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn H và B đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu ông H trả số tiền chuyển khoản 44.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Nguyên đơn cung cấp chứng cư là giấy xác nhận chuyển khoản của Ngân hàng BIDV và sao kê của Ngân hàng BIDV nguyên đơn có chuyển số tiền 44.000.000 đồng cho ông H. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho bị đơn, nH phía bị đơn không thực hiện quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ giấy xác nhận chuyển khoản của Ngân hàng BIDV và sao kê của Ngân hàng BIDV, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Xét quan điểm cảu đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 166, 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông H có nghĩa vụ trả cho bà X số tiền 44.000.000 (Bốn mươi bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc ông H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 2.200.000 (Hai triệu hai trăm nghìn) đồng.

- Hoàn trả cho bà X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.350.000 (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0010275 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B Đại.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B Đại;
- Chi cục THADS huyện B Đại;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng